PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ỨNG PHÓ VỚI AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN THÔNG QUA MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

NGUYỄN THANH HÙNG
Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 05/10/2026. Duyệt đăng 19/10/2026.

Abstract

This article proposes a competency framework for developing university students' capacity to respond to non-traditional security threats through National Defense and Security Education. Based on an analysis of the current curriculum, the study identifies four core competencies: recognizing and assessing situations, making safe decisions, taking initial response measures, and demonstrating coordination and self-control. Accordingly, four instructional modules are proposed: situation analysis; emergency escape and incident safety; basic first aid; and evacua-tion and crowd emergency response. This approach integrates theoretical knowledge with sce-nario-based learning and practical activities, enabling students to progress from threat aware-ness to the selection and implementation of appropriate responses.

Keywords: *Emergency response; National Defense and Security Education; non-traditional security; response competence; university students.*

1. Đặt vấn đề

An ninh phi truyền thống (ANPTT) ngày càng tác động trực tiếp đến an ninh con người và đời sống xã hội. Văn kiện Đại hội XIV nhận định: "Các vấn đề an ninh phi truyền thống, như: An ninh con người, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp, thảm hoạ môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai,... là những thách thức thường xuyên đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, Tập II, tr. 22). Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 22/5/2025 cũng xác định yêu cầu chủ động phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa ANPTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chính phủ, 2025). Đối với sinh viên (SV), các nguy cơ như cháy, ngập lụt, sự cố điện, tai nạn thương tích, tình huống y tế khẩn cấp hoặc chen lấn trong sự kiện đông người đặt ra yêu cầu không chỉ nhận biết nguy cơ mà còn biết lựa chọn hành động an toàn.

Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) đã dành nội dung riêng cho ANPTT. Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, Học phần II có chuyên đề "An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam" với thời lượng 4 tiết (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Bài 7 hiện hành đề cập cả những vấn đề cơ bản về ANPTT và nội dung ứng phó, từ ảnh hưởng đối với Việt Nam đến quan điểm, chính sách và các giải pháp phòng ngừa. Tuy nhiên, mục tiêu và cách tổ chức bài học chủ yếu hướng đến nắm kiến thức, nâng cao nhận thức và trách nhiệm; các biểu hiện năng lực ứng phó ở cấp độ người học chưa được cụ thể hóa thành yêu cầu thực hành và tiêu chí đánh giá.

Từ yêu cầu đó, bài viết xây dựng khung năng lực ứng phó với một số đe dọa ANPTT có liên quan trực tiếp đến SV; thiết kế các module nối nội dung Bài 7 với hoạt động tình huống và thực hành; đồng thời đề xuất cách đánh giá dựa trên quyết định và hành vi thực hiện. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào tự

Email: nguyenthanhhung1983hub@gmail.com

bảo vệ, hỗ trợ ban đầu và phối hợp an toàn, không thay thế các kỹ thuật chuyên sâu thuộc y tế, cứu hộ, phòng cháy chữa cháy hoặc chấp pháp.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo hướng nghiên cứu lý luận và thiết kế chương trình. Phương pháp thứ nhất là phân tích văn bản, tập trung vào Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, Luật Phòng thủ dân sự, Nghị quyết số 147/NQ-CP, Văn kiện Đại hội XIV và cấu trúc nội dung Bài 7. Việc phân tích nhằm xác định mục tiêu giáo dục, phạm vi nội dung ANPTT, yêu cầu ứng phó và giới hạn có thể tích hợp vào môn GDQP&AN.

Phương pháp thứ hai là tổng hợp tài liệu nghiên cứu về giáo dục giảm nhẹ rủi ro, quản trị tri thức trong giảm nhẹ rủi ro và huấn luyện sơ cấp cứu. Tài liệu quốc tế được sử dụng để tham khảo cách tổ chức học tập, nguyên tắc chuyển tri thức thành hành động và cách đánh giá kỹ năng. Các kết quả này không được dùng để suy diễn trực tiếp về hiệu quả trong GDQP&AN ở Việt Nam, mà làm căn cứ xây dựng cấu trúc đề xuất. Torani và cộng sự (2019), qua tổng quan các nghiên cứu về giáo dục trong thảm họa và tình huống khẩn cấp, xem giáo dục là một hướng can thiệp nhằm cải thiện kiến thức và sự chuẩn bị ứng phó. Đây là cơ sở tham khảo cho việc lựa chọn hoạt động học tập, không phải bằng chứng về hiệu quả của khung năng lực được đề xuất trong bài viết.

Phương pháp thứ ba là mô hình hóa chương trình. Nội dung của Bài 7 được ánh xạ với các biểu hiện năng lực, nhiệm vụ học tập và minh chứng đánh giá. Ba nguyên tắc được giữ xuyên suốt: không làm thay đổi nội dung bắt buộc của chương trình; chỉ lựa chọn kỹ năng phù hợp với vai trò của SV; mọi hoạt động thực hành phải có điều kiện an toàn và người hướng dẫn đủ chuyên môn. Khung được xây dựng ở cấp độ đề xuất, vì vậy cần tiếp tục được thẩm định bởi chuyên gia và thử nghiệm trong thực tế đào tạo.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Từ nội dung Bài 7 đến yêu cầu phát triển năng lực ứng phó

Bài 7 đã tạo nền nhận thức tương đối rộng về ANPTT. Phần thứ nhất trình bày quan niệm, đặc trưng, biểu hiện và tác động của các mối đe dọa như khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, an ninh mạng, ô nhiễm môi trường, thảm họa, biến đổi khí hậu và dịch bệnh. Phần thứ hai chuyển sang ảnh hưởng của ANPTT đối với Việt Nam, quan điểm, chính sách và giải pháp ứng phó. Cách cấu trúc này phù hợp với yêu cầu giúp SV nhận thức được tính đa dạng, liên ngành và khả năng lan tỏa của các mối đe dọa.

Nếu mục tiêu là phát triển năng lực, phần nội dung dùng cho thực hành phải được chọn theo những việc SV thực sự có thể phải quyết định hoặc thực hiện khi gặp tình huống cụ thể. Với thời lượng bốn tiết, không thể biến toàn bộ các vấn đề ANPTT thành kỹ năng thực hành. An ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, biến đổi khí hậu hay an ninh nguồn nước đều có logic kiến thức và yêu cầu ứng xử riêng. Do đó, phần thực hành trong Bài 7 chỉ nên chọn một số tình huống gắn trực tiếp với an toàn của SV; phần lý thuyết vẫn giữ phạm vi rộng như chương trình quy định.

Một nhóm tình huống gần với sinh hoạt của SV là thiên tai và các sự cố kỹ thuật: bão, lũ, ngập, dông sét, hỏa hoạn, chập điện, rò rỉ khí hoặc sự cố tại khu ở tập thể. Ở đây không đặt mục tiêu đào tạo SV thành lực lượng cứu nạn. Yêu cầu phù hợp hơn là biết nhận ra dấu hiệu nguy hiểm, tìm lối thoát, báo động, rời khu vực rủi ro và sử dụng một số thiết bị an toàn cơ bản khi điều kiện cho phép. Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 đặt phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh trong một hệ thống bảo vệ người dân và cộng đồng; từ đó có thể xem kỹ năng tự bảo vệ và hỗ trợ ban đầu là một nội dung cần thiết của năng lực công dân trong tình huống khẩn cấp (Quốc hội, 2023).

Nhóm thứ hai là các tình huống mất an toàn ở nơi tập trung đông người. SV thường xuyên tham gia hoạt động ngoại khóa, sự kiện thể thao, chương trình văn hóa hoặc di chuyển tại những địa điểm có mật độ người cao. Khi có báo động, mất điện, ùn tắc lối ra hoặc thông tin trái chiều, một lựa chọn thiếu bình tĩnh của cá nhân có thể làm tình hình phức tạp hơn. Vì thế, nội dung học nên tập trung vào những nguyên tắc dễ nhớ và có thể thực hiện ngay: quan sát lối thoát, không đi ngược dòng người, bảo vệ vùng ngực khi bị chèn ép, tránh dừng ở điểm nghẽn và làm theo hướng dẫn của lực lượng phụ trách.

Nhóm thứ ba là tình huống y tế khẩn cấp và một số tai nạn thường gặp. Ở mức cơ bản, SV có thể được hướng dẫn cách gọi hỗ trợ, kiểm tra độ an toàn của hiện trường, thực hành ép tim ngoài lồng ngực trên ma-nơ-canh, kiểm soát chảy máu, xử trí ban đầu với bỏng hoặc cố định tạm thời. Nghiên cứu của Chang và cộng sự (2023) về giáo dục CPR cho SV đại học cho thấy việc đánh giá cần kết hợp kiến thức với kỹ năng thực hành. Kết quả này không chứng minh trực tiếp hiệu quả của một module trong GDQP&AN, nhưng là căn cứ để tránh cách đánh giá sơ cấp cứu chỉ bằng câu hỏi lý thuyết.

Ba nhóm tình huống trên được chọn vì gần với đời sống SV, có hành vi an toàn tương đối rõ để quan sát và có thể tổ chức luyện tập trong điều kiện được kiểm soát. Cách chọn này cũng tránh xu hướng biến nội dung ANPTT thành một danh mục kỹ năng sinh tồn rời rạc với cấu trúc của Bài 7. Khung Sendai 2015-2030 đặt hiểu biết về rủi ro và nâng cao mức độ sẵn sàng ứng phó trong cùng một hệ thống hành động; cách tiếp cận này gợi ý rằng giáo dục rủi ro cần đi từ nhận thức đến chuẩn bị và thực hành (UNDRR, 2015).

3.2. Khung năng lực ứng phó với an ninh phi truyền thống

Trong phạm vi bài viết, năng lực ứng phó được hiểu là khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để nhận ra nguy cơ, chọn cách xử lý an toàn, thực hiện hành động ban đầu và phối hợp với người khác trong tình huống khẩn cấp. Điểm cần chú ý là ba khâu biết, quyết định và hành động không đồng nhất với nhau. SV có thể nhớ đúng nguyên tắc nhưng lúng túng khi thao tác; ngược lại, làm đúng một động tác trong bài tập chưa đủ để kết luận rằng người học biết lúc nào cần làm và lúc nào phải dừng. Weichselgartner và Pigeon (2015) phân tích vai trò của tri thức trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai và những trở ngại khi chuyển tri thức thành thực hành. Cách tiếp cận này gợi ý cần đánh giá riêng khả năng vận dụng, thay vì mặc nhiên coi việc nắm kiến thức là đã có năng lực ứng phó.

Từ cách hiểu đó, bài viết chia năng lực ứng phó thành bốn thành phần. Một là nhận diện và đánh giá tình huống: xác định nguy cơ, dấu hiệu cảnh báo, nguồn gây mất an toàn, người dễ bị tổn thương, đường thoát và kênh báo tin. Hai là ra quyết định an toàn: biết việc gì cần làm trước, bảo đảm an toàn cho bản thân trước khi hỗ trợ người khác, chọn cách rời khu vực và nhận ra thời điểm phải chuyển giao cho lực lượng chuyên nghiệp. Ba là ứng phó ban đầu: thực hiện đúng những thao tác đã được huấn luyện và không vượt quá giới hạn kỹ năng. Bốn là phối hợp và tự chủ: nghe và thực hiện hướng dẫn, truyền đạt thông tin ngắn gọn, hỗ trợ đúng mức, giữ trật tự và thay đổi cách xử lý khi điều kiện thực tế thay đổi.

Cách chia này nhằm đưa những khái niệm khó đo như "bình tĩnh", "trách nhiệm" hoặc "chủ động" về các hành vi có thể quan sát. Chẳng hạn, không nên đánh giá tự chủ chỉ qua việc SV tự nhận mình bình tĩnh. Có thể quan sát cách người học dừng lại để xác định nguy cơ, không quay lại khu vực nguy hiểm để lấy tài sản, không can thiệp khi chưa đánh giá hiện trường và chấp hành tín hiệu dừng trong diễn tập. Trách nhiệm cộng đồng cũng cần được nhìn qua hành vi cụ thể: báo tin chính xác, hỗ trợ người dễ bị tổn thương trong giới hạn an toàn và nhường không gian cho lực lượng cứu hộ.

Bảng khung năng lực ứng phó một số đe dọa ANPTT dành cho SV

Năng lực	Biểu hiện cần đạt	Hoạt động học tập	Minh chứng đánh giá
Nhận diện và đánh giá tình huống	Nhận ra đúng nguy cơ, dấu hiệu cảnh báo, lối thoát, điểm tập kết, kênh báo tin và người cần ưu tiên hỗ trợ.	Phân tích tình huống; đọc sơ đồ; xác định dấu hiệu và lối thoát.	Phiếu tình huống; câu hỏi giải thích; sơ đồ hiện trường.
Ra quyết định an toàn	Chọn việc cần làm trước; biết khi nào không nên can thiệp, khi nào phải rời hiện trường hoặc gọi lực lượng hỗ trợ.	Tình huống phân nhánh; thảo luận nhóm; trình bày và giải thích lựa chọn.	Phương án xử lý; vấn đáp ngắn; rubric quyết định.
Ứng phó ban đầu	Thực hiện đúng trình tự những thao tác thoát hiểm, sử dụng thiết bị an toàn và sơ cấp cứu đã được hướng dẫn.	Học theo trạm; luyện trên mô hình; mô phỏng trong điều kiện kiểm soát.	Bảng kiểm thao tác; kiểm tra theo trạm.
Phối hợp và tự chủ	Báo tin rõ ràng, làm theo hướng dẫn, hỗ trợ trong giới hạn an toàn và điều chỉnh hành động khi tình huống thay đổi.	Diễn tập nhóm; phân vai; trao đổi sau hoạt động.	Quan sát hành vi; phản tư; đánh giá đồng đẳng theo tiêu chí.

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026

Khung năng lực này không thay thế chuẩn đầu ra của môn học. Mục đích của nó là cụ thể hóa

phần vận dụng trong nội dung ANPTT. Khi đưa vào giảng dạy, giảng viên cần phân biệt rõ yêu cầu nào có thể đạt trong giờ chính khóa và yêu cầu nào cần hoạt động bổ trợ. Sự phân biệt đó cần thiết vì Bài 7 chỉ có 4 tiết, trong khi nhiều kỹ năng thực hành chỉ ổn định khi người học được luyện lại và nhận phản hồi.

Sơ đồ quá trình chuyển hóa nội dung thành năng lực ứng phó với ANPTT của SV

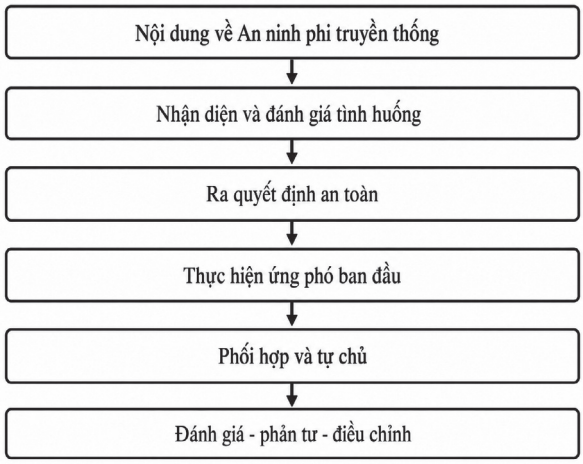

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026.

Các thành phần trong khung được sắp xếp theo trình tự, nhưng trong tình huống thực tế chúng có thể diễn ra đan xen. Trước hết, SV phải nhận ra mình đang đối mặt với loại nguy cơ nào, mức độ ảnh hưởng ra sao, nguồn gây mất an toàn nằm ở đâu và việc gì cần ưu tiên. Nếu nhận định ban đầu sai, một thao tác kỹ thuật dù làm đúng vẫn có thể không thích hợp, thậm chí làm tăng rủi ro. Vì thế, người học phải biết dựa vào thông tin của tình huống để xác định giới hạn hành động của mình và nhận ra lúc nào cần chuyển giao cho lực lượng chuyên nghiệp.

Sau khi nhận diện được tình huống, SV phải chọn phương án xử lý. Đây là lúc kiến thức được kiểm tra bằng một quyết định cụ thể: tự bảo vệ trước hay hỗ trợ người khác, báo tin bằng cách nào, có nên tiếp tục ở hiện trường hay phải rời khỏi khu vực nguy hiểm. Một quyết định hợp lý phải dựa trên nguyên tắc an toàn, điều kiện thực tế và đúng với phạm vi kỹ năng mà người học đã được huấn luyện. Khi phương án đã rõ, phần ứng phó ban đầu mới chuyển sang thao tác như thoát hiểm, sử dụng thiết bị an toàn hoặc sơ cấp cứu ở mức phù hợp.

Khi tình huống có nhiều người tham gia, kỹ năng cá nhân chưa đủ. SV còn phải biết tiếp nhận chỉ dẫn, nói ngắn gọn nhưng đủ thông tin, hỗ trợ người dễ bị tổn thương và thay đổi hành động khi điều kiện hiện trường thay đổi. Sau bài tập hoặc diễn tập, cần dành thời gian xem lại quyết định nào hợp lý, sai sót xuất hiện ở đâu và vì sao. Việc đi lại toàn bộ quá trình từ nhận diện, lựa chọn, hành động đến phối hợp và tự xem xét giúp giảng viên thấy rõ người học đang vướng ở khâu nào, đồng thời tạo chỗ nối giữa Bài 7 với các hoạt động thực hành bổ trợ mà không phải sửa cấu trúc chương trình.

3.3. Tổ chức dạy học, đánh giá và điều kiện thực hiện

Việc tổ chức dạy học có thể bắt đầu ngay từ cấu trúc hiện có của Bài 7. Phần lý thuyết vẫn bảo đảm các nội dung về quan niệm, đặc trưng, biểu hiện, tác động và định hướng ứng phó với ANPTT. Điểm cần thay đổi chủ yếu nằm ở phần thảo luận: thay vì chỉ yêu cầu SV nhắc lại kiến thức, giảng viên đưa vào những tình huống buộc người học phải lựa chọn và giải thích cách xử lý. Các kỹ năng đòi hỏi luyện tập nhiều lần nên chuyển sang hoạt động bổ trợ, buổi trải nghiệm hoặc chương trình phối hợp với đơn vị chuyên môn. Khung Sendai 2015–2030 xác định hiểu biết về rủi ro và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng phó là hai ưu tiên hành động (UNDRR, 2015). Trong phạm vi bài học, có thể vận dụng định hướng đó bằng cách yêu cầu SV phân tích nguy cơ trước khi lựa chọn phương án xử lý; đây là đề xuất tổ chức dạy học của tác giả, không phải một yêu cầu trực tiếp của Khung Sendai.

Module 1 - Phân tích tình huống và lựa chọn phương án ứng phó có thể thực hiện ngay trong phần thảo luận của Bài 7. Giảng viên chọn trường hợp có dữ liệu đủ rõ, chẳng hạn cháy tại nhà ở nhiều tầng, ngập đô thị, sự cố ở sự kiện đông người hoặc dịch bệnh tại khu lưu trú. SV phải chỉ ra mối đe dọa, dấu hiệu cảnh báo, người dễ bị tổn thương, hậu quả có thể xảy ra, việc cần làm trước, lực lượng cần liên hệ và giới hạn can thiệp của bản thân. Bài tập chỉ có ý nghĩa khi SV giải thích được vì sao chọn phương án đó, thay vì đọc lại một danh mục giải pháp đã học.

Module 2 - Thoát hiểm và an toàn sự cố phù hợp với hình thức học theo trạm. Mỗi trạm có thể giao một nhiệm vụ ngắn như đọc sơ đồ thoát hiểm, tìm đường rút, sử dụng bình chữa cháy thực hành, nhận diện nguy cơ điện và khí hoặc di chuyển trong môi trường khói được mô phỏng an toàn. Không nên dồn quá nhiều thao tác vào một trạm. Bảng kiểm cần ngắn, tín hiệu dừng phải thống nhất và giảng viên phải quan sát được từng lượt thực hành. Cách tổ chức này giúp nhiều SV trực tiếp làm thay vì chỉ đứng xem. Lửa thật, khói độc hoặc tình huống cắt điện bất ngờ không nên được dùng chỉ để tạo cảm giác "thực tế".

Module 3 - Sơ cấp cứu ban đầu nên giới hạn ở những kỹ năng có thể chuẩn hóa và luyện an toàn trên ma-nơ-canh hoặc mô hình. Nội dung có thể gồm bảo đảm an toàn hiện trường, gọi hỗ trợ, đánh giá phản ứng, CPR, kiểm soát chảy máu, xử trí ban đầu đối với bỏng và cố định tạm thời. Phần này cần người có chuyên môn y tế hoặc sơ cấp cứu được chứng nhận trực tiếp hướng dẫn. Khi chấm thực hành, bảng kiểm phải đặt bước an toàn lên trước; nếu người học bỏ qua bước này thì không thể xem thao tác là đạt chỉ vì các bước sau thực hiện đúng.

Module 4 - Di tản và ứng phó trong đám đông chỉ nên tiến hành dưới dạng mô phỏng có kiểm soát. Kịch bản có thể giả định lối thoát chính bị khóa, có người cần hỗ trợ di chuyển hoặc xuất hiện thông tin trái chiều. SV được phân vai để báo tin, hỗ trợ, phân luồng và di chuyển theo chỉ dẫn. Điều kiện bắt buộc là kiểm soát mật độ người tham gia; không tạo chen lấn thật và không dùng yếu tố gây hoảng loạn. Sau diễn tập, giảng viên nên dành một phiên ngắn để cả nhóm xác định quyết định nào phù hợp, khâu phối hợp nào có vấn đề và lần sau cần thay đổi gì.

Bốn module không nhất thiết phải triển khai đồng thời. Module 1 có thể bố trí trong phần thảo luận chính khóa; Module 2 và 3 cần thêm thời gian thực hành; Module 4 chỉ phù hợp khi cơ sở đào tạo có đủ không gian, nhân lực và phương án an toàn. Tùy điều kiện, đơn vị đào tạo có thể bắt đầu từ những tình huống sát với đời sống người học, như cháy nhà trọ, ngập lụt hoặc sự kiện đông người, rồi mới mở rộng khi đã có kinh nghiệm tổ chức.

Cách đánh giá cũng phải thay đổi theo từng thành phần năng lực. Kiến thức về ANPTT vẫn có thể kiểm tra bằng tự luận hoặc trắc nghiệm. Với ra quyết định, tình huống phân nhánh phù hợp hơn vì SV phải chọn phương án và giải thích căn cứ. Kỹ năng thực hành cần bảng kiểm thao tác; khả năng phối hợp và tự chủ phải được quan sát trong mô phỏng. Sau hoạt động, một phần phản tư ngắn giúp đối chiếu giữa điều người học định làm với điều họ thực sự đã làm. Nhờ vậy, điểm số không bị lệch quá nhiều về phía khả năng nhớ kiến thức.

Về đội ngũ, giảng viên GDQP&AN có thể thiết kế tình huống, điều hành lớp và liên hệ hoạt động với mục tiêu môn học. Tuy nhiên, những kỹ thuật chuyên ngành cần người hướng dẫn đúng chuyên môn. Nội dung phòng cháy, cứu nạn nên phối hợp với lực lượng chuyên trách; sơ cấp cứu cần người có năng lực y tế hoặc chứng nhận phù hợp. Phân công như vậy vừa bảo đảm tính chính xác của thao tác, vừa giúp SV hiểu giới hạn những việc mình được phép làm.

Thiết bị và an toàn huấn luyện là điều kiện tiếp theo. Tùy module, cơ sở đào tạo có thể cần ma-nơ-canh CPR, bộ sơ cứu, bình chữa cháy thực hành, biển báo, vật liệu mô phỏng lối thoát và phương tiện bảo hộ. Quan trọng hơn danh mục thiết bị là quy trình tổ chức: phải có người phụ trách, giới hạn số người tham gia, tín hiệu dừng và phương án xử lý nếu phát sinh sự cố. Một giờ học về ứng phó không đạt mục tiêu nếu chính cách tổ chức lại tạo thêm nguy cơ cho người học.

Nội dung huấn luyện cũng không nên tách khỏi môi trường sống của SV. Ở nơi thường xuyên ngập, có thể ưu tiên sơ tán và an toàn điện; khu vực có nhiều SV thuê trọ cần chú ý hơn đến thoát hiểm khi

cháy; trường thường tổ chức sự kiện đông người nên dành thời gian cho di tản và phối hợp. Khung năng lực có thể giữ các yêu cầu cốt lõi chung, còn tình huống và học liệu phải được điều chỉnh theo những rủi ro mà SV thực sự gặp trong học tập và sinh hoạt.

Một vấn đề khác là thời lượng và khả năng duy trì kỹ năng. Bốn tiết của Bài 7 đủ để giới thiệu nền tảng và tổ chức một số bài tập phân tích, nhưng khó bảo đảm SV thành thạo nhiều thao tác thực hành trong cùng thời gian. Những kỹ năng như sơ cấp cứu hoặc sử dụng thiết bị có thể giảm nếu lâu không luyện lại. Vì vậy, khi thử nghiệm mô hình, không nên chỉ đo kết quả ngay sau buổi học mà cần có lần đánh giá sau đó để xem kỹ năng còn được duy trì đến mức nào. Kết quả của Chang và cộng sự (2023) về đào tạo CPR cho SV cũng cho thấy giá trị của việc xem xét kết quả ở nhiều thời điểm.

Về định hướng chung, Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu: "Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh bảo đảm phù hợp với từng đối tượng" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, Tập II, tr. 278). Với SV, yêu cầu "phù hợp với từng đối tượng" cần được cụ thể hóa bằng những nhiệm vụ vừa sức, có thể quan sát và có ích trong tình huống thực tế. Khung năng lực cùng bốn module ở trên mới là một phương án thiết kế. Trước khi đề xuất áp dụng rộng, cần thẩm định bằng chuyên gia, thử nghiệm ở quy mô nhỏ và thu thập dữ liệu trước - sau về nhận diện rủi ro, chất lượng quyết định và kỹ năng thao tác.

4. Kết luận

Chương trình GDQP&AN hiện hành đã có nội dung riêng về ANPTT và Bài 7 đã đề cập trực tiếp đến ứng phó với các mối đe dọa. Vì vậy, hướng phát triển phù hợp là làm rõ năng lực mà SV cần đạt sau khi học, thay vì mở rộng thêm danh mục nội dung. Bài viết đề xuất bốn năng lực thành phần gồm nhận diện và đánh giá tình huống, ra quyết định an toàn, ứng phó ban đầu, phối hợp và tự chủ. Các năng lực này được gắn với bốn module: phân tích tình huống, thoát hiểm và an toàn sự cố, sơ cấp cứu ban đầu, di tản và ứng phó trong đám đông.

Mô hình được thiết kế theo nguyên tắc giữ nguyên cấu trúc bắt buộc của chương trình, sử dụng phần thảo luận để tăng vận dụng và bố trí kỹ năng cần lặp lại trong hoạt động bổ trợ có kiểm soát. Đánh giá kết hợp kiến thức, tình huống và bảng kiểm thao tác; đội ngũ, thiết bị và an toàn huấn luyện là những điều kiện không thể tách rời. Khung hiện mới ở cấp độ đề xuất lý luận, do đó cần tiếp tục thẩm định bằng chuyên gia và thử nghiệm trong các cơ sở GDQP&AN trước khi kiến nghị áp dụng ở phạm vi rộng.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học*.

Chang, Y.-T., Wu, K.-C., Yang, H.-W., Lin, C.-Y., Huang, T.-F., Yu, Y.-C., & Hu, Y.-J. (2023). Effects of different cardiopulmonary resuscitation education interventions among university students: A randomized controlled trial. *PLOS ONE*, 18(3), e0283099. https://doi.org/10.1371/journal.pone.0283099

Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 22/5/2025 ban hành Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (tập 2). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Quốc hội (2013). *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*. Luật số 30/2013/QH13 ngày 19/6/2013.

Quốc hội (2023). *Luật Phòng thủ dân sự*. Luật số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

Torani, S., Moradi Majd, P., Sedigh Maroufi, S., Dowlati, M., & Sheikhi, R. A. (2019). The importance of education on disasters and emergencies: A review article. *Journal of Education and Health Promotion*, 8, 85. https://doi.org/10.4103/jehp.jehp_262_18.

United Nations Office for Disaster Risk Reduction (UNDRR). (2015). *Sendai Framework for Disaster Risk Reduction 2015-2030*. United Nations.

Weichselgartner, J., & Pigeon, P. (2015). The role of knowledge in disaster risk reduction. *International Journal of Disaster Risk Science*, *6*(2), 107-116. https://doi.org/10.1007/s13753-015-0052-7.